

Bản án số: 71/2022/HS-ST
Ngày: 01-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TN, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tới;

Ông Trần Tấn Phát.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân Tp TN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát Tp TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm theo hình thức trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2022/HSST ngày 08 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Huỳnh T, sinh năm 1982 tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 071 đường P, khu phố M, Phường N, Tp TN, tỉnh TN; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Huỳnh Thị Q (đã chết); vợ Nguyễn Thị Mỹ T (đã ly hôn) và 01 con;

Tiền án:

Bản án số: 72/2017/HSST ngày 23-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh TN xử phạt 2 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19-10-2019 (chưa chấp hành án phí và biện pháp tư pháp).

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số: 18/2006/HSPT ngày 17-01-2006 của Tòa án nhân dân tỉnh TN xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp

hành xong án phạt tù vào ngày 25-10-2007 (đã chấp hành xong án phí, được xóa án tích).

Bản án số: 82/2015/HSST ngày 29-5-2015 của Tòa án Tp TN, tỉnh TN xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10-11-2015 (đã chấp hành xong án phí, biện pháp tư pháp và được xóa án tích).

Bị cáo đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, bắt để tạm giam từ ngày 16-5-2022 đến nay; *có mặt*.

Bị hại: Anh Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp BL, xã BM, Tp TN, tỉnh TN (vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Lê Huỳnh T và người có tên gọi là “Dũng” mới quen biết (không rõ họ tên địa chỉ) đi tìm tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 19-4-2022, Lê Huỳnh T điều khiển xe máy loại Cup, màu xanh, nhãn hiệu havico, biển số 70-229.RB chở theo Dũng đi trên các tuyến đường Tp TN tìm tài sản trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi ngang qua nhà anh Th tại ấp BL, xã BM, Tp TN, T và Dũng nhìn thấy một cánh cửa sắt, loại gập 02 cánh lại với nhau có kích thước 160 cm X 213cm, trọng lượng 23 kg đặt dưới đất cạnh cửa ra vào không có người trông coi nên T kêu Dũng vào lấy cánh cửa sắt, T đứng bên ngoài cánh giới. Dũng vào lấy cánh cửa sắt một mình và khiêng ra ngoài xe do T điều khiển, Dũng ngồi sau giữ cánh cửa sắt và chở đi tìm nơi tiêu thụ. T và Dũng đi khoảng 50 m thì gặp anh Th cùng với công an xã BM phát hiện, bắt giữ T, riêng Dũng đã nhanh chân tẩu thoát.

Các vấn đề khác của vụ án:

Kết luận giám định số: 28/KLĐG-TTHS ngày 05-5-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Tp TN, tỉnh TN kết luận: 01 (một) cửa sắt, loại gập 02 cánh, kích thước 160 cm X 213 cm, trọng lượng 23 kg, có giá 285.000 đồng.

Quá trình điều tra, Lê Huỳnh T thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội.

Qua xác minh Lê Huỳnh T không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản đã mất trộm được thu hồi trả lại chủ sở hữu là anh Nguyễn Thanh Th, anh Th không yêu cầu gì thêm. Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 70 – 229.RB, số máy, số khung đã bị đục xóa không thể nhận dạng (không giấy tờ), đã chuyển giao qua cho Chi cục Thi hành án dân sự Tp TN tạm giữ.

Cáo trạng số: 66/CT-VKSTPTN ngày 07-7-2022 của Viện kiểm sát nhân dân Tp TN, tỉnh TN đã quyết định truy tố bị cáo Lê Huỳnh T về tội “Trộm cắp

tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Tại Tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp TN thực hành quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Huỳnh T phạm tội trộm cắp tài sản. Trong phần tranh luận, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận anh Nguyễn Thanh Th đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm. Đối với xe mô tô biển số 70- 229.RB giả, cơ quan cảnh sát điều tra chưa ra thông báo truy tìm chủ sở hữu nên giao cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T không có ý kiến tranh luận, bào chữa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án nhẹ để về nhà lo cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tp TN; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Tp TN; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Ngày 19-4-2022 Lê Huỳnh T trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Thanh Th 01 (một) cửa sắt, loại gấp 02 cánh, kích thước 160 cm X 213 cm, trọng lượng 23 kg, có giá 285.000 đồng.

Tại Tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố cùng các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ nên đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Huỳnh T phạm tội trộm cắp tài sản được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét về tính chất vụ án: Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo là người thành niên, đủ khả năng nhận thức về hành vi của mình, bị cáo biết

việc trộm cắp tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do có tính tham lam, có sức khỏe nhưng lười lao động, muốn có tiền tiêu xài, bị cáo trộm tài sản của người khác nên cần được xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp TN: Đề nghị áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo T là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, có ý thức lao động và biết chấp hành pháp luật.

[5] Khi quyết định hình phạt có xem xét :

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T có 02 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản vào các năm 2015 và năm 2017 tuy đã được xóa án tích nhưng cho thấy nhân thân xấu.

Trước đó, bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TN xử phạt 02 năm tù theo bản án số: 46/2022/HSST ngày 21-6-2022 nhưng do tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo T chưa bị xét xử nên không xem xét là có tiền án để tính tái phạm đối với bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy bản án số: 46/2022/HSST ngày 21-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TN chưa có hiệu lực pháp luật do bị kháng cáo nên không tổng hợp hình phạt của hai bản án.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Anh Th đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm nên ghi nhận.

Đối với 01 xe mô tô biển số 70-229.RB không giấy tờ, không có số khung, số máy là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra công an Tp TN chưa thông báo tìm kiếm chủ sở hữu và không xác định được chủ sở hữu. Chuyển cơ quan điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Đối với người tên Dũng do không rõ họ tên địa chỉ, quá trình xác minh công an xã Thanh Điền cung cấp trên địa bàn xã Thanh Điền không có đối tượng trên, cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Huỳnh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Huỳnh T 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16-5-2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận anh Nguyễn Thanh Th đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 (một) chiếc xe mô tô biển số giả 70 – 229.RB, không có số khung, số máy. Giao cho cơ quan điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Bị cáo Lê Huỳnh T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

Những người tham gia tố tụng có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- VKSND tp TN;
- Chi cục THADS tp TN;
- Công an tp TN;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa